

Số: 242/BC-UBND

Bình Phước, ngày 21 tháng 7 năm 2023

## BÁO CÁO

### **Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024**

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024;

Căn cứ Công văn số 4456/BKHĐT-TH ngày 13/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Trên cơ sở kết quả ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 cụ thể như sau:

## PHẦN I

### **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023**

#### **I. Bối cảnh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.**

Năm 2023 là năm bản lề, giữa nhiệm kỳ, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025, UBND tỉnh thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức. Từ đầu năm, tình hình thế giới tiếp tục biến động nhanh, phức tạp, khó lường, tác động, ảnh hưởng đến hầu hết các quốc gia, khu vực trên phạm vi toàn cầu, hậu quả của đại dịch COVID-19 kéo dài; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; lạm phát ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng lãi suất dẫn đến suy giảm kinh tế, sụt giảm nhu cầu tiêu dùng ở nhiều nước, đối tác lớn; rủi ro trên các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản quốc tế gia tăng. Ở trong nước có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn; nền kinh tế quy mô còn khiêm tốn, năng lực cạnh tranh còn hạn chế, năng suất lao động chưa cao; đồng thời chịu tác động kép từ ảnh hưởng của thị trường quốc tế trên nhiều lĩnh vực và những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm.

#### **II. Đánh giá tổng quát và ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.**

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, UBND tỉnh đã ban hành Quyết

định số 2412/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho các sở, ban, ngành, các địa phương để thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm 2023.

Với quyết tâm cao trong chỉ đạo và điều hành, căn cứ vào các Kết luận, Nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và tinh thần “Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 36/CTr-UBND ngày 03/02/2023 thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đưa nền kinh tế của tỉnh sớm vượt qua khó khăn, không lỡ nhịp với tiến trình phục hồi kinh tế của cả nước.

Cùng với sự nỗ lực, cố gắng của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, sự chung tay góp sức của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 của tỉnh tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực: Kinh tế có tốc độ tăng trưởng khá, cao hơn mức tăng bình quân chung của cả nước; sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch đều tăng; công tác thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI), phát triển doanh nghiệp và phát triển hợp tác xã có nhiều khởi sắc. Lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt nhiều kết quả tích cực, công tác an sinh xã hội được chú trọng, đời sống người dân được cải thiện; hoạt động chăm lo cho các đối tượng chính sách, khó khăn, người nghèo, người lao động được triển khai kịp thời, hiệu quả. Tai nạn giao thông giảm số vụ, hạn chế tối đa số người bị thương.

Trong 22 chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra, đánh giá ước thực hiện có 01 chỉ tiêu vượt, 18 chỉ tiêu đạt, 01 chỉ tiêu xấp xỉ đạt và 02 chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra. Nguyên nhân của các chỉ tiêu không đạt kế hoạch cụ thể như sau:

- Tốc độ tăng trưởng GRDP tuy đạt khá 6,84%, cao hơn mức tăng bình quân chung của cả nước (ước tăng 6,51%) nhưng chưa đạt kế hoạch đề ra là 8%. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 kéo dài; tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tác động, ảnh hưởng nặng nề trên nhiều lĩnh vực; trong nước nền kinh tế tiếp tục chịu tác động kép từ các yếu tố tiêu cực bên ngoài và những hạn chế bất cập nội tại kéo dài nhiều năm.

- Cơ cấu kinh tế VA theo giá hiện hành ước đến hết năm 2023 là: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 23,25%, Công nghiệp – Xây dựng 42,43%, Dịch vụ 34,32% chưa đạt kế hoạch (Nông, lâm nghiệp và thủy sản 21%, Công nghiệp – Xây dựng 47,6%, Dịch vụ 31,4%). Nguyên nhân do trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thế giới, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp của tỉnh gặp nhiều khó khăn về vốn, đơn đặt hàng giảm, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp ảnh hưởng đến cơ cấu giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng trưởng không như mong đợi.



- GRDP bình quân đầu người ước đến hết năm 2023 đạt 92,2 triệu đồng, tăng 9,76% so với năm 2022, xấp xỉ đạt kế hoạch (kế hoạch là 93,2 triệu đồng, đạt 98,92%). Nguyên nhân do tăng trưởng GRDP không đạt kế hoạch đề ra.

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

### **1. Đẩy mạnh triển khai hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội.**

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành bám sát Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 20/4/2022 triển khai kịp thời, đúng đối tượng hỗ trợ. Đẩy nhanh việc giải ngân các chính sách, đặc biệt là các chính sách tín dụng ưu đãi, chính sách hỗ trợ 2% lãi suất đối với các khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, tránh trục lợi chính sách. Hệ thống các ngân hàng của tỉnh đã triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ lãi suất theo chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, triển khai thực hiện Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ và Thông tư 03/2022/TT-NHNN ngày 20/5/2022 của NHNN Việt Nam hướng dẫn Ngân hàng Thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Đến nay, dư nợ vay được hỗ trợ lãi suất là 66 tỷ 104 triệu đồng, doanh số cho vay được hỗ trợ lãi suất lũy kế là 174 tỷ 708 triệu đồng, số khách hàng được hỗ trợ lãi suất 9 khách hàng, số tiền đã hỗ trợ lãi suất 710 triệu đồng.

### **2. Thực hiện có hiệu quả và thực chất hơn việc cơ cấu lại nền kinh tế, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.**

#### a) Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, tiến độ gieo trồng cây hàng năm ước đạt 25.187 ha, giảm 2,2% (giảm 585 ha) so với năm 2022, đạt 98,6% kế hoạch năm. Diện tích cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả hiện có 439.590 ha, giảm 2.461 ha so với năm 2022, đạt 100,8% kế hoạch năm. Ngành chăn nuôi trên địa bàn tỉnh tiếp tục được duy trì, phát triển mạnh theo hướng chăn nuôi với quy mô lớn, trang trại công nghiệp, chăn nuôi nhỏ lẻ đang dần được thu hẹp. Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 478 trang trại, gồm 390 trang trại chăn nuôi heo và 88 trang trại chăn nuôi gia cầm, trong đó tỷ lệ trang trại chuồng kín, lạnh chiếm 66,1%; các trang trại heo, gà chủ yếu là nuôi gia công hoặc cho các công ty, tập đoàn thuê chăn nuôi như: CP, Làng Sen, Vietswan, Sunjin, Japfa, New Hope, Hòa Phước, Velmar, BaF Việt.

#### b) Lĩnh vực công nghiệp.

Sản xuất công nghiệp phục hồi nhanh, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp toàn tỉnh (IIP) ước tăng 8,83% so với năm 2022, góp phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh.

#### c) Lĩnh vực thương mại, dịch vụ

Hoạt động thương mại dịch vụ tăng mạnh. Công tác bình ổn thị trường

trong các dịp lễ tết trên địa bàn tỉnh được đảm bảo; nguồn cung hàng hóa ổn định, không có tình trạng thiếu hàng, sốt giá.

Kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện năm 2023 đạt 4.150 triệu USD, tăng 7,8% so cùng kỳ năm 2022, đạt 100% so kế hoạch năm.

Kim ngạch nhập khẩu ước thực hiện năm 2023 đạt 2.230 triệu USD, tăng 3,72% so cùng kỳ năm 2022, đạt 100% so kế hoạch năm.

### **3. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội và giải ngân vốn đầu tư công.**

Huy động vốn đầu tư toàn xã hội năm 2023 ước thực hiện là 35.400 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch. Trong đó, vốn khu vực nhà nước là 5.067 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 14,3%; vốn khu vực ngoài nhà nước là 22.283 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 62,9%, vốn FDI là 8.050 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 22,8%.

Tổng kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2023 là 4.832 tỷ 774 triệu đồng (kế hoạch đầu năm là 5.755 tỷ 631 triệu đồng); giải ngân 6 tháng đầu năm là 1.688 tỷ 821 triệu đồng, đạt 29,3% so với kế hoạch đầu năm; khả năng thực hiện 9 tháng là 2.900 tỷ 984 triệu đồng, đạt 60% kế hoạch điều chỉnh và ước thực hiện cả năm 2023 là 4.590 tỷ 484 triệu đồng, đạt 95% so với kế hoạch điều chỉnh.

### **4. Tập trung khai thác nguồn thu và tiết kiệm chi ngân sách nhà nước.**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước thực hiện năm 2023 là 14.888 tỷ đồng, tăng 4,24% so với năm 2022 và đạt 100% kế hoạch. Tổng chi ngân sách nhà nước ước thực hiện năm 2023 là 18.345 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

### **5. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.**

Thu hút đầu tư trong nước năm 2023 ước đạt 25 dự án với số vốn đăng ký 6.000 tỷ đồng, bằng 55,56% về số vốn đăng ký so với năm 2022, đạt 50% kế hoạch về số vốn đăng ký<sup>1</sup>.

Thu hút đầu tư nước ngoài ước đạt 17 dự án, với số vốn đăng ký là 700 triệu USD, tăng hơn 4,6 lần về số vốn đăng ký so với năm 2022, vượt hơn 2 lần so với kế hoạch năm<sup>2</sup>.

Số doanh nghiệp thành lập mới trong năm ước đạt 1.200 doanh nghiệp<sup>3</sup>, tăng 2,7 % so với năm 2022, đạt 100% kế hoạch.

Số hợp tác xã ước thành lập mới trong năm là 35 hợp tác xã, đạt 100% kế hoạch.

<sup>1</sup> Lũy kế đến hết năm 2023 ước có 1.235 dự án, với số vốn đăng ký 124.000 tỷ đồng, bằng 101,2 % về số dự án và bằng 104,2% về vốn đăng ký so với cuối năm 2022

<sup>2</sup> Lũy kế đến hết năm 2023 ước có 385 dự án với số vốn đăng ký 4.148,9 triệu USD, bằng 104,6 % về số dự án và bằng 120,3% về vốn đăng ký so với cuối năm 2022.

<sup>3</sup> Lũy kế đến hết năm 2023 ước có 12.047 doanh nghiệp, với số vốn đăng ký 13.600 tỷ đồng, bằng 106 % về số dự án và bằng 104% về vốn đăng ký so với cuối năm 2022.



Trong năm đã tổ chức 03 Đoàn công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài tại Đài Loan, Hồng Kông, Hàn Quốc, New Zealand, Úc, qua đó giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của tỉnh và mời gọi thu hút đầu tư. Thường xuyên gặp gỡ các doanh nghiệp và phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ phản ứng nhanh để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

## **6. Phát triển văn hóa xã hội, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân.**

### a) Văn hóa, thể dục, thể thao và du lịch

Tổ chức và thực hiện tốt công tác tuyên truyền cổ động trực quan nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn, tuyên truyền công tác an toàn giao thông và công tác phòng, chống dịch Covid-19. Các hoạt động văn nghệ quần chúng, các chương trình biểu diễn nghệ thuật đã tổ chức chu đáo, phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng của người dân trong tỉnh.

Đội tuyển thể thao của tỉnh đã tham dự 36 giải thể thao cấp khu vực, toàn quốc và quốc tế kết quả đạt 29 HCV, 30 HCB, 38 HCD; trong đó, đoàn thể thao tỉnh tham dự Seagames 32 đạt 02 HCV, 01 HCB, 03 HCD.

Hoạt động du lịch nội địa đạt được nhiều kết quả khả quan, các cơ sở kinh doanh du lịch hoạt động kinh doanh với lượng khách tăng ổn định so với năm trước. Tổng số lượt khách tham quan cả năm ước đạt 821.200 lượt khách, tăng 13,65% so với năm 2022 và đạt 101,9% kế hoạch năm; trong đó, khách nội địa 815.000 lượt khách; khách quốc tế 6.200 lượt khách.

### b) Giáo dục và đào tạo, đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực và giải quyết việc làm

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo tiếp tục đạt nhiều kết quả tốt. Công tác dạy và học đã được triển khai thực hiện đúng theo chương trình, kế hoạch năm học đề ra. Hoàn thành nhiệm vụ học kỳ II và kết thúc năm học 2022-2023 theo kế hoạch thời gian năm học. Việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện đúng lộ trình, nội dung và đã được 100% cán bộ, giáo viên và đại đa số phụ huynh học sinh đánh giá tốt, hầu hết các trường đã thực hiện tốt công tác tiếp cận Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đội ngũ giáo viên thực hiện chương trình mới của các trường được tập huấn, bồi dưỡng đầy đủ các mô đun theo yêu cầu và thực hiện khá tốt chương trình, sách giáo khoa mới. Thực hiện công tác xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng và đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch. Tổ chức kiểm tra, công nhận các huyện thị xã, thành phố đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục – xóa mù chữ năm 2022, theo đó toàn tỉnh có 11/11 huyện/thị xã/thành phố và 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở; 18/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập THPT. Ước thực hiện cả năm 2023 tỷ lệ trường đạt chuẩn đạt 45,1% đạt 100% kế hoạch năm.

Công tác giải quyết việc làm năm 2023 ước thực hiện giải quyết cho 40.000 lao động, đạt 100% kế hoạch năm, giảm 12,6% so với năm 2022; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%, tăng 1 điểm tỷ lệ % so với năm 2022, đào tạo



nghe 10.000 lao động, đạt 100% kế hoạch năm. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 38%, đạt 100% kế hoạch năm.

c) Y tế

Công tác củng cố mạng lưới y tế, biên chế, đào tạo cán bộ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tiếp tục thực hiện theo quy định. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã sẵn sàng mọi điều kiện để tiếp nhận, thu dung điều trị. Tình hình dịch bệnh sốt rét, sốt xuất huyết được kiểm soát chặt chẽ, không có ổ dịch lớn xảy ra. Các chương trình mục tiêu y tế - dân số khác như phòng chống suy dinh dưỡng, dân số và phát triển, phòng chống lao, phong, bứu cổ... vẫn duy trì hoạt động theo kế hoạch. Kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu năm 2023 cơ bản đạt kế hoạch đề ra, cụ thể: Số giường bệnh/vạn dân 29 giường (kế hoạch 29 giường); số bác sỹ/vạn dân 8,6 bác sỹ (kế hoạch 8,6 bác sỹ); tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng là 10% (kế hoạch 10%), tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 93% (kế hoạch 92%).

d) Lĩnh vực khoa học và công nghệ

Công tác nghiên cứu, ứng dụng các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở được tiến hành đúng theo trình tự, nội dung đề xuất và phê duyệt của UBND tỉnh. Đã nghiệm thu với kết quả xếp loại đạt 8 đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh. Quyết định chuyển giao quyền sử dụng 4 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh cho các sở, ngành đưa vào sử dụng. Tổ chức nghiệm thu với kết quả đạt cho 06 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở. Hoàn thiện Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh dự kiến xem xét với 150 hồ sơ, dự kiến có 01 sáng kiến được công nhận phạm vi ảnh hưởng toàn quốc, 10 sáng kiến có đồng tác giả là người đứng đầu cơ quan cấp tỉnh và công nhận 30 sáng kiến cấp tỉnh.

đ) An sinh xã hội, giảm nghèo

Các chế độ chính sách cho người có công được đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng; tổ chức thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách người có công nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 với 25.950 phần quà, tổng số tiền là 10 tỷ 627 triệu đồng.

Công tác giảm nghèo được triển khai đồng bộ, có sự đổi mới, sáng tạo trong phương pháp lãnh đạo, điều hành; chính sách giảm nghèo ngày càng thiết thực, hiệu quả. Công tác giảm nghèo ước thực hiện năm 2023 đạt 2.000 hộ, tương ứng tỷ lệ giảm nghèo 0,7%, đạt 100% kế hoạch. Tổng nguồn lực đã bố trí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 20 tỷ 079 triệu đồng, trong đó vốn ngân sách trung ương là 3 tỷ 079 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 17 tỷ đồng.

e) Công tác dân tộc, tôn giáo

Công tác dân tộc được đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện tốt. Các chính sách đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội đối với già làng tiêu biểu, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai thực hiện kịp thời. Vai trò của già làng, người có uy tín tiếp tục được củng cố và phát huy với tinh thần trách nhiệm cao trong công tác vận động,

tuyên tuyền vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác tuyên truyền, chia sẻ các thông tin liên quan đến công tác dân tộc, các lễ hội, Tết cổ truyền của đồng bào dân tộc thiểu số, mô hình cá nhân điển hình trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh được phát huy tốt.

Chính quyền các cấp đã quan tâm hướng dẫn, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo tổ chức sinh hoạt tôn giáo tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Trên địa bàn tỉnh không xảy ra trường hợp sinh hoạt tín ngưỡng có biểu hiện mê tín dị đoan, các hoạt động chống phá của các đối tượng cực đoan gây mất trật tự an toàn xã hội. Các nhu cầu tôn giáo chính đáng và hợp pháp của các tổ chức, cá nhân tôn giáo đã được tham mưu giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của bà con tín đồ. Thường xuyên trao đổi, thăm hỏi, động viên các tổ chức, cá nhân tôn giáo nhân dịp các ngày lễ tết, lễ trọng của các tôn giáo. Thông qua việc thăm hỏi, tranh thủ chức việc tôn giáo, đã thông báo tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; tuyên truyền bà con tín đồ sinh hoạt tôn giáo an toàn, lành mạnh, động viên các chức sắc, nhà tu hành và đồng bào có đạo tiếp tục phát huy những kết quả đạt được để góp phần thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

### **7. Sử dụng có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.**

Tài nguyên đất và tài nguyên khoáng sản được quản lý chặt chẽ, đúng quy định. Đã triển khai kêu gọi đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp. Thực hiện tốt công tác quan trắc chất lượng nguồn nước, hệ thống giám sát các hoạt động xả nước thải; hệ thống giám sát quy trình vận hành các hồ chứa thủy lợi, thủy điện được đảm bảo.

### **8. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được tăng cường; cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số được thúc đẩy mạnh mẽ.**

Năm 2023 triển khai thực hiện 34 đoàn thanh tra, Tổ kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất, tăng 04 đoàn so với năm 2022. Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra thực hiện trong kỳ là 582 cuộc thanh tra, kiểm tra; tăng 162 cuộc so với năm 2022. Qua thanh tra, kiểm tra có 164 tổ chức và 371 cá nhân vi phạm, nội dung vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra chủ yếu liên quan đến lĩnh vực: giao thông, xây dựng, tài nguyên môi trường, y tế, giáo dục, nước thải, giấy phép xây dựng... Đã ban hành 518 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền xử phạt vi phạm hành chính 4 tỷ 605 triệu; đã thu hồi nộp ngân sách Nhà nước số tiền 4 tỷ 368 triệu đồng.

Công tác phòng, chống tham nhũng được quan tâm và chỉ đạo quyết liệt. Triển khai thực hiện Đề án công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kê khai tài sản thu nhập của các đối tượng theo quy định, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực.

Tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh có chuyển biến

tích cực; nội dung khiếu nại, tố cáo tập trung ở những vấn đề như đất đai, nhà cửa, chế độ chính sách, công chức, công vụ. Các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh được các cấp, các ngành xem xét, giải quyết kịp thời nên hạn chế số công dân tiếp tục khiếu kiện lên cấp trên, qua đó đã đạt được hiệu quả nhất định và từng bước góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Về công tác cải cách hành chính: Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác cải cách hành chính qua các hoạt động xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh. 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến mức 3, mức 4. 100% bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp tỉnh, huyện có phát sinh giao dịch thanh toán phí, lệ phí trực tuyến. Tại thời điểm báo cáo, tỉnh có 1.468 dịch vụ công kết nối Cổng dịch vụ công quốc gia (xếp thứ 04/63 tỉnh, thành phố), trong đó có 1.076 dịch vụ công trực tuyến toàn trình (đạt tỉ lệ 73,3%), 396 dịch vụ công trực tuyến một phần (tỉ lệ 26,7%). Trung tâm IOC tỉnh và 03 Trung tâm IOC cấp huyện đã phát triển hệ thống tích hợp dữ liệu, cập nhật tình hình kinh tế, xã hội tại địa phương phục vụ chỉ đạo điều hành của lãnh đạo. Triển khai Sổ tay đảng viên điện tử tại tỉnh cho 79 tổ chức đảng với tổng số 10.132 đảng viên đăng ký thành công đạt tỉ lệ 100%. Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh cơ bản vẫn giữ nguyên so với năm 2022.

Chỉ số PCI Bình Phước năm 2022 tăng 2,15 điểm (từ 62,17 điểm lên 64,32 điểm), tăng 7 bậc so với năm 2021, đứng thứ 43/63 tỉnh thành. Kết quả Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2022 của tỉnh đạt 84,46% (giảm 0,56% so với năm 2021), đứng thứ 39/63 tỉnh thành, tăng 10 bậc so với năm 2021. Kết quả Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2022 của tỉnh đạt 76,05% (giảm 6,93% so với năm 2021), đứng thứ 56/63 tỉnh thành, tăng 06 bậc so với năm 2021.

Thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, đã triển khai 03 đợt cao điểm thực hiện Đề án 06/CP; tỉnh đã tổ chức Hội nghị công bố hoàn thành chỉ tiêu cấp Căn cước công dân (CCCD) cho 100% công dân đủ điều kiện sớm hơn 45 ngày so với thời hạn Bộ Công an giao và phát động cao điểm thu nhận, kích hoạt định danh điện tử trên địa bàn tỉnh. Đến nay toàn tỉnh đã tiến hành thu nhận 857.087 hồ sơ cấp được CCCD gắn chip cho công dân. Tổng số tài khoản định danh điện tử đã thu nhận 273.905 hồ sơ định danh điện tử mức 1, 2; đã kích hoạt 102.811 đạt tỷ lệ 37,5%.

Chỉ đạo các doanh nghiệp Bưu chính viễn thông bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2022-2023. Hoàn thành phủ sóng thông tin di động ở 2 thôn lôm sóng của huyện Bù Đăng để đảm bảo 100% thôn ở vùng sâu, vùng xa của tỉnh có sóng di động, về đích trước 9 tháng so với yêu cầu của Chính phủ. Phối hợp triển khai khám chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng Căn cước công dân gắn chip, ứng dụng VneID.

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử đã hoàn thiện kết nối thông suốt từ Trung ương với tỉnh và cấp huyện, cấp xã





với tổng số 137 điểm cầu. Tỷ lệ sử dụng hộp thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc đạt 84,39%.

### **9. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, hoạt động đối ngoại được mở rộng và nâng cao.**

Đã chủ động nắm tình hình, triển khai các kế hoạch, biện pháp công tác bảo vệ chính trị, đảm bảo an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh thông tin, phòng, chống khủng bố. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị thực hiện cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự Tết Nguyên đán Quý Mão 2023; bảo đảm an ninh trật tự các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước và khách quốc tế đến thăm, làm việc và chúc tết tại tỉnh.

Công tác biên giới luôn được quan tâm, phối hợp thực hiện đúng quy định. Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới được đảm bảo, luôn có sự phối hợp chặt chẽ, trao đổi thông tin kịp thời giữa chính quyền và lực lượng vũ trang của tỉnh Bình Phước và 03 tỉnh bạn giáp biên Vương quốc Campuchia trong công tác quản lý biên giới.

### **10. Công tác thông tin truyền thông được quan tâm, tạo đồng thuận trong xã hội.**

Đã tập trung định hướng các cơ quan báo chí trong và ngoài tỉnh, các huyện, thị, thành phố và các đơn vị hoạt động trang Thông tin điện tử tuyên truyền theo chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông, Tỉnh ủy và UBND tỉnh về tuyên truyền các định hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, kỷ niệm các ngày lễ lớn. Cổng thông tin điện tử tỉnh, trung bình hàng tháng có hơn 600 tin, bài được cập nhật về các thông tin chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; thông tin phổ biến giáo dục pháp luật, chế độ, chính sách, chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính, phòng chống dịch bệnh...

## **II. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

### **1. Tồn tại, hạn chế**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế tuy ước đạt khá 6,84%, cao hơn mức bình quân chung của cả nước (dự kiến là 6,51%), nhưng chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra là 8%.

- Xuất nhập khẩu còn gặp nhiều khó khăn do chi phí vận chuyển hàng hóa và giá nguyên vật liệu đầu vào tăng. Tổng cầu thế giới giảm, các thị trường xuất khẩu, nhất là các thị trường lớn, truyền thống như Mỹ, EU, Trung Quốc... thu hẹp lại.

- Giá cả nông sản không ổn định, đứt gãy một số khâu, phụ thuộc nhiều vào thị trường, việc chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp còn chậm, chưa bền vững. Cơ sở hạ tầng nông thôn chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất nông nghiệp.

- Hoạt động sản xuất công nghiệp có sự tăng trưởng chậm lại do thị trường bị thu hẹp, trong khi doanh nghiệp chưa kịp thích ứng để chuyển đổi mô hình sản xuất và tìm các thị trường mới thay thế.

- Một số công trình, dự án trọng điểm còn triển khai chậm, do có nhiều khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, GPMB và thiếu vốn.

- Các doanh nghiệp của tỉnh đa số là doanh nghiệp nhỏ và vừa; trình độ quản lý thấp, chủ yếu là mô hình công ty gia đình; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo còn thấp, kỹ năng, tay nghề và tác phong công nghiệp còn yếu nên khả năng cạnh tranh thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra của quá trình sản xuất công nghiệp.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học mặc dù được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ; cơ cấu đội ngũ giáo viên một số địa phương chưa hợp lý, chất lượng giảng dạy chưa cao; công tác xã hội hoá đầu tư vào giáo dục chưa nhiều, chủ yếu chỉ đầu tư ở các cơ sở giáo dục mầm non; đào tạo nghề chưa gắn với nhu cầu xã hội.

- Hệ thống y tế của tỉnh, y tế cơ sở và y tế dự phòng còn hạn chế, chưa đủ năng lực ứng phó với các tình huống khẩn cấp. Khả năng cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng đội ngũ cán bộ y tế chưa đồng đều, thiếu cán bộ chuyên khoa sâu tại các bệnh viện.

## **2. Nguyên nhân**

- Nguyên nhân khách quan: Do ảnh hưởng tác động kép của tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động nhanh, phức tạp, khó lường; việc điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn và sự gia tăng bảo hộ thương mại của các nước nhập khẩu dẫn tới sản xuất, xuất khẩu gặp nhiều khó khăn; cùng với những tồn tại, yếu kém nội tại kéo dài nhiều năm.

- Nguyên nhân chủ quan: Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có lúc, có nơi còn lơ là, chủ quan, bị động, lúng túng hoặc cứng nhắc, chưa đồng bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo xử lý các tình huống cụ thể, đột xuất. Sự phối kết hợp giữa các ngành, các địa phương thiếu thường xuyên, chưa đồng bộ, chặt chẽ, nhịp nhàng. Việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện, phát hiện, xử lý vi phạm trên một số mặt chưa kịp thời, kiên quyết, triệt để. Tinh thần trách nhiệm một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, tâm lý e ngại, lo sợ trách nhiệm, lo sợ vi phạm.

## **PHẦN II**

### **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024**

#### **I. Dự báo tình hình.**

Năm 2024 sẽ còn tiếp tục đối mặt với không ít những khó khăn, rủi ro, thách thức. Tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục biến động phức tạp, gây nhiều khó khăn, thách thức. Hậu quả của đại dịch Covid-19 còn phải khắc phục trong nhiều năm. Tăng trưởng thương mại toàn cầu đối mặt với các kịch bản phức tạp, thậm chí tiêu cực hơn trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị diễn biến căng thẳng, khó lường, bên cạnh áp lực từ lạm phát và giá cả hàng hóa tăng cao. Kinh tế trong nước tiếp tục chịu “tác động kép” từ các yếu tố tiêu cực bên ngoài và

những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm. Khó khăn, thách thức còn rất lớn, phải thực hiện tốt các nhiệm vụ thường xuyên ngày càng nhiều, yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao; vừa phải tập trung xử lý các vấn đề tồn đọng kéo dài và kịp thời ứng phó với những vấn đề cấp bách, mới phát sinh. Trong tình năng lực, trình độ, quy mô, công nghệ sản xuất của các ngành, lĩnh vực, nhất là sản xuất công nghiệp, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Biến đổi khí hậu tiếp tục có nhiều ảnh hưởng bất lợi đến sản xuất nông nghiệp, giá cả các mặt hàng chủ lực của tỉnh sẽ còn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, tác động trực tiếp đến việc thực hiện một số cân đối lớn và đời sống của nhân dân. Thu hút đầu tư có dấu hiệu chững lại; sự cạnh tranh gay gắt về nguồn lao động ở các khu công nghiệp, các doanh nghiệp sản xuất mới gặp khó khăn trong tuyển dụng lao động.

## **II. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, tạo động lực mới để phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, vững chắc. Tập trung thực hiện quyết liệt Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đề án, kết luận của Tỉnh ủy cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI trên mọi lĩnh vực. Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, hạ tầng đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng số để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo động lực phát triển nhanh và bền vững. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với nâng cao chất lượng dạy nghề, có chính sách mới để thu hút lao động; thực hiện thực chất, hiệu quả giảm nghèo bền vững; nâng cao đời sống vật chất tinh thần của các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng; tăng cường công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Xây dựng chính quyền kiến tạo, chính quyền số, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đảm bảo quốc phòng an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội và chủ động tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế.

## **III. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2024.**

### **1. Các chỉ tiêu kinh tế:**

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 7,5-8% so với năm 2023.
2. Cơ cấu kinh tế: Nông lâm thủy sản chiếm 22,33%, công nghiệp xây dựng chiếm 42,87%, dịch vụ chiếm 34,8%.
3. GRDP bình quân đầu người đạt 100 triệu đồng, tăng 8,5% so với năm 2023.
4. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 40.000 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2023.
5. Kim ngạch xuất khẩu 4 tỷ 500 triệu USD, tăng 8,4% so với năm 2023.
6. Thu ngân sách 16.000 tỷ đồng, tăng 7,5% so với năm 2023.

7. Thu hút đầu tư trong nước 6.500 tỷ đồng; thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) 300 triệu USD.

8. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới 1.200 doanh nghiệp, bằng với năm 2023.

9. Số hợp tác xã đăng ký thành lập mới trong năm 35 hợp tác xã, bằng với năm 2023.

## **2. Các chỉ tiêu xã hội, môi trường.**

10. Số hộ nghèo giảm trong năm là 500 hộ.

11. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị duy trì dưới 3%.

12. Lao động được giải quyết việc làm trong năm 43.000 người, tăng 7,5% so với năm 2023.

13. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 67%, tăng 2% so với năm 2023.

14. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 57,84%, tăng 12,74% so với năm 2023.

15. Số giường bệnh trên vạn dân 29 giường.

16. Số bác sỹ trên vạn dân 8,9 bác sỹ.

17. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng duy trì ở mức 10%.

18. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 94%, tăng 1% so với năm 2023.

19. Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội 42%, tăng 4% so với năm 2023.

20. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm trong năm là 5 xã.

21. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,6%, tăng 0,4% so với năm 2023.

22. Tỷ lệ che phủ rừng chung 74,8%, giảm 0,7% so với năm 2023.

## **IV. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

### **1. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.**

Tiếp tục cơ cấu lại các ngành theo hướng phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững, phát huy tối đa các tiềm năng lợi thế của tỉnh. Triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Đổi mới và phát triển các hình thức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp và nông thôn, từng bước chuyển tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến sâu đối với ngành điều, cao su và chế biến thực phẩm. Tiếp tục cơ cấu lại ngành thương mại - dịch vụ, thúc đẩy phát triển thương mại điện tử; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ như du lịch, công nghệ thông tin, viễn thông, logistic, dịch vụ giáo dục đào tạo, dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ tài chính, ngân hàng, pháp lý...

## **2. Quyết liệt cải cách hành chính, cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.**

Tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác cải cách hành chính, hướng dẫn xử lý, tháo gỡ khó khăn vướng mắc theo thẩm quyền về pháp lý, về thủ tục hành chính, về tiếp cận đất đai, vốn và điều kiện kinh doanh để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân. Tăng cường cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, thực hiện hiệu quả Đề án 06/ĐA-CP của Chính phủ, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh PCI của tỉnh và chỉ số năng lực cạnh tranh DDCI của các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố.

## **3. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư; tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công.**

Tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách, nhất là nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất để ưu tiên chi cho đầu tư phát triển. Có giải pháp huy động hiệu quả nguồn lực của doanh nghiệp tham gia vào phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp, phát triển đô thị, phát triển năng lượng tái tạo. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án; thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, công tác GPMB, đền bù tái định cư của các dự án khởi công mới.

## **4. Tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị, nhất là các công trình giao thông trọng điểm kết nối liên vùng.**

Sớm hoàn thiện thủ tục đầu tư để triển khai thực hiện các công trình giao thông trọng điểm như: Cao tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước), Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Thủ Dầu Một – Chơn Thành, Đường Đồng Phú – Bình Dương, Đường Minh Lập – Bù Nho. Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển đô thị của tỉnh và của các địa phương. Tập trung vốn đầu tư công cho các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị như đường giao thông, cấp thoát nước, xử lý nước thải, cây xanh và xử lý rác thải.

## **5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ đáp ứng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương. Tiếp tục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 theo lộ trình, trong đó tập trung đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, trang thiết bị dạy học phục vụ cho việc đổi mới chương trình sách giáo khoa. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng nhân lực có kỹ năng nghề, nhất là nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa



học công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Xây dựng Khu công nghệ cao, đổi mới sáng tạo của tỉnh 200ha tại thành phố Đồng Xoài.

#### **6. Chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội.**

Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, quy hoạch, đề án phát triển văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh. Tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; chú trọng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Tập trung công tác quy hoạch và xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật thể dục thể thao từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh; khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở xã hội hóa trong lĩnh vực hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí ở nông thôn, theo quy định của pháp luật. Có cơ chế huy động các doanh nghiệp đóng trên địa bàn các xã tham gia xây dựng đời sống văn hóa; vận động nhân dân tự nguyện đóng góp kinh phí để duy trì các hoạt động thường xuyên của các Nhà văn hóa thôn, ấp, khu phố. Tiếp tục thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và Cuộc vận động “Người Bình Phước nói lời hay, làm việc tốt”. Đẩy mạnh việc triển khai và thực hiện có hiệu quả 03 chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, người cao tuổi, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ phụ nữ, phòng chống tệ nạn xã hội.

#### **7. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.**

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tăng trưởng xanh, chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải, chuyển đổi năng lượng. Thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường các dự án. Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng đất; hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu đất đai. Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước. Tập trung xử lý các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

#### **8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.**

Tiếp tục triển khai đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, gắn với cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; xây dựng và thực hiện chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Triển khai có hiệu quả đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số. Triển khai đồng bộ, có hiệu quả quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát quyền lực. Phát động phong trào thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

#### **9. củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo**

**vệ vững chắc biên giới; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.**

Phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động hiệu quả các nguồn lực để xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, khu vực phòng thủ vững chắc. Bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tăng cường phòng chống các loại tội phạm; bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ. Thực hiện tốt chủ trương kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế xã hội trên từng địa bàn và tuyến biên giới.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, góp phần thiết thực vào quảng bá mạnh mẽ hình ảnh và tiềm năng, thế mạnh của Bình Phước để thu hút đầu tư và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

**10. Đẩy mạnh thông tin truyền thông và công tác phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả. Thông tin đầy đủ kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm. Tăng cường tiếp xúc đối thoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, UBND tỉnh Bình Phước báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét tổng hợp, trình Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Tuệ Hiền**

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU KẾ HOẠCH NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số 242/BC-UBND ngày 21/07/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Năm 2023				Dự kiến năm 2024										
				Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện cả năm 2023	Số với thực hiện năm 2022 (%)	Số với kế hoạch 2023 (%)	Kế hoạch	Số với Kế hoạch năm 2023 (%)	Số với ước thực hiện năm 2023 (%)							
I	Các chỉ tiêu kinh tế																	
1	Tốc độ tăng GRDP (Giá so sánh)	%	8,42	8,00	7,27	6,84	Giảm 1,58 điểm %	Không đạt	7,5 - 8%	Giảm 0,5 điểm %	Tăng 0,66-1,16 điểm %							
2	Cơ cấu kinh tế VA (theo giá hiện hành)	%	100,0	100,0	100,0	100,0												
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	22,3	21,0	23,47	23,25		Không đạt	22,33	Tăng 1,33%	Giảm 0,9%							
	- Công nghiệp và xây dựng	%	45,0	47,6	41,80	42,43			42,87	Giảm 4,73%	Tăng 0,44%							
	- Dịch vụ	%	32,7	31,4	34,73	34,32			34,80	Tăng 3,4%	Tăng 0,48%							
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng/người	84,0	93,2	43,2	92,2	109,76	Không đạt	100,0	107,30	108,46							
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	30.003	35.000	14.780	35.400	101,14	Vượt	40.000	114,29	112,99							
5	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	3.850	4.150	1.784	4.150	107,79	Đạt	4.500	108,43	108,43							
6	Thu ngân sách địa phương (thu nội địa và XNK)	Tỷ đồng	14.282	14.888	4.948	14.888	104,24	Đạt	16.000	107,5	107,5							
7	Thu hút đầu tư																	
-	Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài	Triệu USD	150	300	632	700	466,67	Đạt	300	100	42,86							
-	Thu hút đầu tư trong nước	Tỷ đồng	10.800	12.000	3.500	6.000	55,56		6.500	54,17	108,33							
8	Số doanh nghiệp thành lập mới trong năm	DN	1.150	1.200	500	1.200	104,35	Đạt	1.200	100,00	100,00							
9	Số hợp tác xã thành lập mới trong năm	HTX	30	35	17	35	116,67	Đạt	35	100,00	100,00							
II	Chỉ tiêu xã hội - môi trường																	
10	Số hộ nghèo giảm trong năm	Hộ	2.491	2.000		2.000	80,29	Đạt	500	25,00	25,00							
11	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	<3	<3	<3	<3	Duy trì	Đạt	<3	Duy trì	Duy trì							
12	Lao động được giải quyết việc làm	Người	45.765	40.000	30.000	40.000	87,40	Đạt	43.000	107,50	107,50							
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	64	65	64,5	65	Tăng 1%	Đạt	67	Tăng 2%	Tăng 2%							
14	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	30,59	45,1	38,04	45,1	Tăng 14,51%	Đạt	57,84	Tăng 12,74%	Tăng 12,74%							
15	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	28,5	29	28,5	29	101,75	Đạt	29	Duy trì	Duy trì							
16	Số bác sĩ/vạn dân	Bác sĩ	8,6	8,9	8,6	8,9	103,49	Đạt	8,9	Duy trì	Duy trì							
17	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	10	10	10	10	100,00	Đạt	10	Duy trì	Duy trì							
18	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	92	93	92	93	Tăng 1%	Đạt	94	Tăng 1%	Tăng 1%							
19	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	33,53	38	28,76	38	Tăng 4,47%	Đạt	42	Tăng 4%	Tăng 4%							
20	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm trong năm	Xã	7	7		7	100,00	Đạt	5	71,43	71,43							
21	Tỷ lệ dân số nông thôn dùng nước hợp vệ sinh	%	98,8	99,2	99	99,2	Tăng 0,4%	Đạt	99,6	Tăng 0,4%	Tăng 0,4%							
22	Tỷ lệ che phủ rừng chung	%	75,6	75,5	75,6	75,5	Giảm 0,1%	Đạt	74,8	Giảm 0,7%	Giảm 0,7%							